



tesa® 60996

Thông tin Sản phẩm



Thông tin kỹ thuật (giá trị trung bình)

Các giá trị trong phần này chỉ nên được coi là mang tính đại diện hoặc điển hình và không nên sử dụng cho mục đích thiết lập thông số kỹ thuật.

Cấu tạo sản phẩm

• Lớp nền	không dệt	• Độ dày	130 µm
• Loại keo	acrylic cải tiến	• Màu sắc	trong mờ
• Vật liệu lớp lót (liner)	giấy trắng PE	• Màu lớp lót	trắng

Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

• Độ dính ban đầu	rất tốt
-------------------	---------

Độ kết dính trên

• ABS (ban đầu)	9.3 N/cm	• PC (sau 14 ngày)	13.7 N/cm
• ABS (sau 14 ngày)	16 N/cm	• PE (ban đầu)	3.2 N/cm
• nhôm (ban đầu)	8 N/cm	• PE (sau 14 ngày)	4.1 N/cm
• nhôm (sau 14 ngày)	16.3 N/cm	• PP (ban đầu)	3.5 N/cm
• kính (ban đầu)	9.3 N/cm	• PP (sau 14 ngày)	7 N/cm
• kính (sau 14 ngày)	13.4 N/cm	• thép (ban đầu)	9 N/cm
• PC (ban đầu)	11 N/cm	• thép (sau 14 ngày)	14.1 N/cm

Disclaimer

sản phẩm của tesa® được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=60996>